

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

06 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

09 - 10

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

11 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Dương Thị Huyền	Thành viên
Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên
Ông Lê Thành Nhân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng ban
Bà Hà Thị Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19/4/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Mai Anh Tám - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu. Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ngoài những sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh trong kỳ và sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Tập đoàn không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 45, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam



DƯƠNG THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Số: 027/2024/BCKTHN-HT.00168

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 27/3/2024, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 31/3/2023.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3725-2021-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.362.338.803	277.921.149.180
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	64.520.287.292	29.177.886.751
Tiền	111		28.500.287.292	16.177.886.751
Các khoản tương đương tiền	112		36.020.000.000	13.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	48.820.000.000	400.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		48.820.000.000	400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.395.827.597	173.459.648.880
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.927.677.085	36.301.708.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	76.327.886.077	100.040.252.002
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.223.264.590	37.939.232.204
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(83.000.155)	(821.543.952)
Hàng tồn kho	140	5.8	42.321.480.957	49.474.640.835
Hàng tồn kho	141		42.321.480.957	49.474.640.835
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.304.742.957	25.408.972.714
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	246.903.595	151.188.121
Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.029.387.554	25.257.784.593
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	28.451.808	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		375.620.983.160	368.056.714.079
Các khoản phải thu dài hạn	210		42.450.000.000	42.450.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	42.450.000.000	42.450.000.000
Tài sản cố định	220		265.547.914.106	274.289.313.569
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	265.547.914.106	274.289.313.569
- Nguyên giá	222		317.791.498.827	308.183.572.194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.243.584.721)	(33.894.258.625)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		66.467.816.733	44.005.124.330
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	66.467.816.733	44.005.124.330
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	6.790.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	500.000.000	6.790.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		655.252.321	522.276.180
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	655.252.321	504.531.755
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	-	17.744.425
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		647.983.321.963	645.977.863.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		245.601.723.549	272.486.103.020
Nợ ngắn hạn	310		169.953.078.442	170.755.816.655
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.637.310.923	10.031.876.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	127.247.148	1.307.392.640
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.304.651.897	1.458.951.671
Phải trả người lao động	314		24.000.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	445.049.212	552.695.743
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.419.800.500	967.450.500
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	161.995.018.762	156.437.450.025
Nợ dài hạn	330		75.648.645.107	101.730.286.365
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		115.989.115	204.711.241
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	75.532.655.992	101.525.575.124
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		402.381.598.414	373.491.760.239
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	402.381.598.414	373.491.760.239
Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.544.253.212	57.794.531.547
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.716.531.547	33.775.430.460
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.827.721.665	24.019.101.087
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.191.740.277	5.051.623.767
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		647.983.321.963	645.977.863.259

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	354.308.685.197	421.735.616.888
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		354.308.685.197	421.735.616.888
Giá vốn hàng bán	11	6.2	304.274.633.016	373.653.166.138
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.034.052.181	48.082.450.750
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.045.462.222	1.301.466.257
Chi phí tài chính	22	6.4	15.747.596.017	16.690.029.320
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.549.986.661	16.440.264.937
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	435.153.672	1.382.364.850
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	5.005.123.592	5.303.042.843
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.891.641.122	26.008.479.994
Thu nhập khác	31	6.7	481.523.081	709.663.467
Chi phí khác	32	6.8	49.399.880	953.958.971
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		432.123.201	(244.295.504)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.323.764.323	25.764.184.490
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	852.831.723	1.200.499.932
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	17.744.425	26.628.054
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		29.453.188.175	24.537.056.504
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		28.827.721.665	24.019.101.087
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		625.466.510	517.955.417
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.12	961	798
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.12	480	798

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		30.323.764.323	25.764.184.490
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.584.432.427	17.247.470.239
Các khoản dự phòng	03		(738.543.797)	821.543.952
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		78.632.260	(44.672.907)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(853.402.513)	(1.238.333.590)
Chi phí lãi vay	06		15.550.064.383	16.440.264.937
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.944.947.083	58.990.457.121
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		54.350.746.472	(48.231.201.700)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		6.584.437.778	46.123.581.279
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(8.017.357.593)	(39.571.793.930)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(246.436.040)	(561.534.839)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.644.765.709)	(16.169.816.023)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(947.196.305)	(754.335.102)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.024.375.686	(174.643.194)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.716.672.751)	(33.935.490.788)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		179.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(83.420.000.000)	(400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		41.290.000.000	100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.573.000.000	10.775.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		926.680.261	507.829.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.167.992.490)	(22.952.660.818)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm nay
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	389.013.432.123	373.479.032.767
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(409.530.469.648)	(356.920.470.802)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(69.990.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.517.037.525)	16.488.571.674
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		35.339.345.671	(6.638.732.338)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.177.886.751	35.790.959.278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.054.870	25.659.811
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	64.520.287.292	29.177.886.751

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ GIANG

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

DƯƠNG THỊ HUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 300.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có 01 công ty con cấp 1 (tại ngày 01/01/2023: 01 công ty con cấp 1): Công ty cổ phần Công nghệ CRC và có 13 công ty con cấp 2

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Danh sách các công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ CRC					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng Điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần Xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Năng lượng xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Tỷ giá hối đoái

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Giao dịch tại ngân hàng thương mại nào sẽ sử dụng tỷ giá của chính ngân hàng đó.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị quản lý | 04 năm |

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa hệ thống pin và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

4.13 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.16 Doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

b) Các khoản thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá: Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

4.17 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) và các khoản chi phí tài chính khác trong kỳ được ghi nhận đầy đủ.

4.18 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo được hưởng ưu đãi theo khoản 1 điều 15 và khoản 1, 2 điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN. Theo đó các công ty con được miễn thuế TNDN cho 4 năm đầu và giảm 50% số thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng hóa, Năng lượng và dịch vụ, đầu tư tài chính và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và xuất khẩu ra nước ngoài.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Chi tiết các Bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8.2

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Tiền mặt	15.099.229.399	9.948.734.702
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.401.057.893	6.229.152.049
- Các khoản tương đương tiền (*)	36.020.000.000	13.000.000.000
Cộng	<u>64.520.287.292</u>	<u>29.177.886.751</u>

(*) Các khoản tiền gửi kỳ hạn tại ngày cuối năm:

	<u>Kỳ hạn</u> (tháng)	<u>Lãi suất</u> (%/năm)	<u>Số tiền</u> VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
- Chi nhánh Mỹ Đình	03	3,2%	3.420.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	01	2,7%	27.400.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam			
- Chi nhánh Thành Công	01	2,5%	5.200.000.000
Cộng			<u>36.020.000.000</u>

Trong đó, giá trị tiền gửi kỳ hạn thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng tại ngày cuối năm là 5.000.000.000 đồng. Chi tiết tại thuyết minh số 5.17.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.820.000.000	48.820.000.000	400.000.000	400.000.000
Cộng	<u>48.820.000.000</u>	<u>48.820.000.000</u>	<u>400.000.000</u>	<u>400.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Trái phiếu	500.000.000	500.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	290.000.000	290.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	6.790.000.000	6.790.000.000

- (i) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi. Toàn bộ trái phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (Chi tiết tại thuyết minh số 5.17).

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nam Hà Nội	-	6.195.845.970
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng Yên Bái	-	5.016.001.100
- Công ty CP Công nghệ EMP	2.286.282.005	11.785.967.459
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	-	6.360.370.640
- Công ty CP Đầu tư CP Farm Việt Nam	1.168.913.030	-
- UAB Baltic Gate Terminal	2.661.482.688	-
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Lâm Hà	1.722.804.374	1.722.880.999
- Công ty Điện lực Lâm Đồng - Điện lực Đức Trọng	1.149.130.968	1.054.015.193
- Khách hàng khác	3.939.064.020	4.166.627.265
Cộng	12.927.677.085	36.301.708.626

Trong đó, Phải thu khách hàng là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nhật Minh Xanh	-	3.654.432.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	43.654.262.550	34.597.117.977
- Công ty CP Sản xuất XNK Thành Nam	3.655.057.966	11.385.339.707
- Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kontum	6.892.552.000	3.508.000.000
- Công ty CP Công nghệ EMP	3.080.580.000	16.259.266.750
- Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	407.245.121	1.679.739.402
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Caruvina	-	14.250.000.000
- Công ty CP Đầu tư CP FARM Việt Nam	16.550.831.190	2.500.000.000
- Nhà cung cấp khác	2.087.357.250	3.824.711.286
Cộng	76.327.886.077	100.040.252.002

Trong đó, Trả trước cho người bán là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 8.2)

5.5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.223.264.590	-	37.939.232.204	-
- Tạm ứng (i)	6.142.315.672	-	9.101.557.572	-
+ Ông Nguyễn Xuân Đạt	-	-	2.600.000.000	-
+ Ông Nguyễn Quang Huy	1.142.315.672	-	5.101.557.572	-
+ Ông Đặng Quốc Đăng	5.000.000.000	-	-	-
+ Các cá nhân khác	-	-	1.400.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	-	-	28.573.000.000	-
+ Ông Nguyễn Tiến Độ	-	-	14.473.000.000	-
+ Ông Đào Văn Huỳnh	-	-	7.983.750.000	-
+ Ông Nguyễn Khắc Lưu	-	-	6.116.250.000	-
- Lãi tiền gửi, trái phiếu	77.168.307	-	213.029.917	-
- Các khoản phải thu khác	3.780.611	-	51.644.715	-
b) Dài hạn	42.450.000.000	-	42.450.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	42.450.000.000	-	42.450.000.000	-
+ Bà Triệu Thị Sa (ii)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
+ Ông Mai Anh Đức (iii)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Ông Nguyễn Mạnh Hà (iv)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Ban Quản lý các KCN tỉnh Lâm Đồng (v)	450.000.000	-	450.000.000	-
Cộng	48.673.264.590	-	80.389.232.204	-

Trong đó, Phải thu khác là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (i) Khoản tạm ứng tiền san lấp mặt bằng nhà máy Pin mặt trời Yên Bái.
- (ii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCINVEST ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/CRCTECH ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/1NVEST ngày 10/07/2020 thời hạn 25 năm.
- (iii) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 02/2020/HĐTĐ/LAMHA2 ngày 18/9/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/2020/HĐTĐ/DUCTRONG ngày 30/9/2020 thời hạn 25 năm; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ/KONTUM ngày 10/6/2020 thời hạn 25 năm.
- (iv) Tiền đặt cọc thuê đất theo hợp đồng thuê đất số 03/2020/HĐTĐ/DATEH ngày 24/8/2020 thời hạn 25 năm.
- (v) Tiền ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 26/TTKQ ngày 11/9/2020 thời hạn từ 11/9/2020 đến 22/02/2054.

5.6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
a) Phải thu khách hàng				
- BEL TamoZhiliya Limited	118.571.650	35.571.495	118.571.650	59.285.825
b) Trả trước cho người bán				
- JA Solar International Limited	-	-	1.088.940.182	326.682.055
Cộng	118.571.650	35.571.495	1.207.511.832	385.967.880

5.7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn	246.903.595	151.188.121		
- Chi phí bảo hiểm	246.389.315	144.387.346		
- Công cụ dụng cụ	-	5.499.539		
- Chi phí trả trước khác	514.280	1.301.236		
b) Dài hạn	655.252.321	504.531.755		
- Chi phí sửa chữa	530.371.925	351.865.982		
- Công cụ dụng cụ	108.225.191	147.545.773		
- Chi phí trả trước khác	16.655.205	5.120.000		
Cộng	902.155.916	655.719.876		

5.8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	200.247.199	-	786.315.000	-
- Thành phẩm	2.430.446.000	-	4.954.988.000	-
- Hàng hóa	39.690.787.758	-	43.733.337.835	-
Cộng	42.321.480.957	-	49.474.640.835	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Chi tiết hàng gửi tại kho Bên thứ 3:

Tên công ty	Loại hàng gửi	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Nhân hạt điều	22.730.811.420	26.134.247.568
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vicenza	Gạch	7.459.210.741	10.032.867.546
Công ty CP CRC Solar Cell	Pin, máy móc	7.891.849.772	8.014.833.260
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Gạch, sắt thép	2.879.543.466	804.840.558

5.9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	305.097.544.558	3.024.434.000	61.593.636	308.183.572.194
Mua trong năm	8.664.576.997	1.573.789.091	-	10.238.366.088
Thanh lý	-	(420.439.455)	-	(420.439.455)
Giảm khác	(210.000.000)	-	-	(210.000.000)
Số dư cuối năm	313.552.121.555	4.177.783.636	61.593.636	317.791.498.827
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	32.694.328.743	1.190.160.997	9.768.885	33.894.258.625
Khấu hao trong năm	17.761.159.111	837.238.544	15.398.412	18.613.796.067
Thanh lý	-	(264.469.971)	-	(264.469.971)
Số dư cuối năm	50.455.487.854	1.762.929.570	25.167.297	52.243.584.721
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	272.403.215.815	1.834.273.003	51.824.751	274.289.313.569
Tại ngày cuối năm	263.096.633.701	2.414.854.066	36.426.339	265.547.914.106

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 224.581.135.774 đồng (tại ngày đầu năm là 237.633.414.322 đồng)
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

5.10. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Mua sắm		
+ Mua xe ô tô Vinfast	1.358.300.000	961.000.000
- Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	43.865.649.383	24.690.423.269
+ Dự án Khu Đô Thị CRC	140.000.000	140.000.000
+ NM sản xuất lưới thép Công ty CP Vinasolar Bảo Lộc	18.103.867.350	15.213.701.061
+ Dự án Trại gà Công ty CP Công Nghệ CRC	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Dự án Trại gà Công ty CP Năng lượng xanh Kosun	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	66.467.816.733	44.005.124.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	17.744.425
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	17.744.425

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị nợ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH KD Thương mại và Dịch vụ Vinfast	-	-	1.017.100.000	1.017.100.000
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	1.481.214.056	1.481.214.056	1.981.214.056	1.981.214.056
Công ty CP CRC Solar Cell	-	-	5.567.529.000	5.567.529.000
Công ty CP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng KonTum	-	-	414.540.000	414.540.000
Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Bảo Lộc	519.696.000	519.696.000	519.696.000	519.696.000
Công ty TNHH KD DV & TM Ô tô Thăng Long Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.312.130.000	1.312.130.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phan Anh	484.437.619	484.437.619	-	-
Các đối tượng khác	839.833.248	839.833.248	531.797.020	531.797.020
Cộng	4.637.310.923	4.637.310.923	10.031.876.076	10.031.876.076

Trong đó, Phải trả người bán ngắn hạn là các Bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh 8.2)

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng ET	-	1.164.500.000
- Công ty TNHH Casa Mai Sơn	126.000.000	-
- Các đối tượng khác	1.247.148	142.892.640
Cộng	127.247.148	1.307.392.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	28.451.808	28.451.808
Cộng	-	-	28.451.808	28.451.808

b) Thuế và khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	-	1.058.056.183	1.058.056.183	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.200.499.932	852.831.723	918.744.497	1.134.587.158
Thuế thu nhập cá nhân	91.886.515	-	88.387.000	3.499.515
Các loại thuế khác	166.565.224	53.109.674	53.109.674	166.565.224
Cộng	1.458.951.671	1.963.997.580	2.118.297.354	1.304.651.897

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	397.049.212	491.750.538
- Các khoản khác	48.000.000	60.945.205
Cộng	445.049.212	552.695.743

5.16. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	33.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.341.800.500	856.450.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	78.000.000	78.000.000
Cộng	1.419.800.500	967.450.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.17. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
- Vay ngắn hạn	128.743.667.702	128.743.667.702	388.018.019.253	382.725.618.588	129.838.267.037	129.838.267.037
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình (1)	88.019.204.502	88.019.204.502	237.946.582.647	206.696.561.687	56.769.183.542	56.769.183.542
+ Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà (2)	39.966.463.200	39.966.463.200	113.183.154.003	137.095.774.298	63.879.083.495	63.879.083.495
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	-	-	12.463.282.603	21.653.282.603	9.190.000.000	9.190.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	6.387.000.000	6.387.000.000	19.887.000.000	13.500.000.000	-	-
+ Vay cá nhân (4)	758.000.000	758.000.000	4.538.000.000	3.780.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	26.864.351.060	26.864.351.060	27.070.019.132	26.804.851.060	26.599.182.988	26.599.182.988
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	312.351.060	312.351.060	459.519.132	312.351.060	165.182.988	165.182.988
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	78.000.000	78.000.000	136.500.000	58.500.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (6)	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000	6.654.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000	4.060.000.000	4.060.000.000	4.060.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000	15.720.000.000
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	161.995.018.762	161.995.018.762	415.088.038.385	409.530.469.648	156.437.450.025	156.437.450.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
- Vay dài hạn	75.532.655.992	75.532.655.992	1.077.100.000	27.070.019.132	101.525.575.124	101.525.575.124
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng (5)	1.095.907.760	1.095.907.760	677.100.000	459.519.132	878.326.892	878.326.892
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (3)	263.500.000	263.500.000	400.000.000	136.500.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình (6)	20.783.500.000	20.783.500.000	-	6.654.000.000	27.437.500.000	27.437.500.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công (7)	11.326.813.701	11.326.813.701	-	4.100.000.000	15.426.813.701	15.426.813.701
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (8)	42.062.934.531	42.062.934.531	-	15.720.000.000	57.782.934.531	57.782.934.531
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	75.532.655.992	75.532.655.992	1.077.100.000	27.070.019.132	101.525.575.124	101.525.575.124

Chi tiết thông tin các khoản vay còn số dư cuối năm:

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng TDHM số 01/2023/8353501/HĐTD ngày 05/6/2023; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%- 8,0%/năm với khoản vay bằng VND và 4,5%-5,5%/năm với khoản vay bằng USD. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; 750.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám.
- Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà theo Hợp đồng tín dụng số 1260LAV2023 ngày 30/8/2023; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 7,0%-8,0%/năm năm đối với khoản vay bằng VND. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của Bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- 3) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2023-HĐCVHM/NHCT127-CRC ngày 10/02/2023:
 - Khoản vay dài hạn: Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất 11% cho năm đầu tiên; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Honda City RS BKS 30K-286.47.
- 4) Các khoản vay cá nhân là vay tín chấp dưới 12 tháng, Lãi suất 0%/năm.
- 5) Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo những hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/PL/2021/0658 ngày 28/04/2021; Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13.
 - Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi; Tài sản thế chấp: Xe ô tô Mitsubishi BSK: 29B-622.58.
 - Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/HĐTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10,9%/năm cho năm đầu. Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79.
- 6) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Mỹ Đình theo những hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng cho vay số 65290.20.011.8298087.TD ngày 23/11/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị của dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền trung; 95% Cổ phần của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam tại Công ty cổ phần Công nghệ CRC theo Giấy chứng nhận góp vốn số 04/CNCP/CRC/TECH do Công ty Cổ phần Công nghệ CRC cấp ngày 30/06/2020.
 - Hợp đồng tín dụng số 12525.011.8374851.TD ngày 16/03/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời mái nhà; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
 - Hợp đồng vay số 4330.21.011.9148657.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
 - Hợp đồng vay số 4636.21.011.9142097.TD ngày 25/01/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Điện lực Lâm Đồng; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Hợp đồng vay số 12611.21.014.9720117.TD ngày 16/3/2021; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án điện mặt trời; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền nam; Toàn bộ cổ phần của Ông Hồ Công Trứ tại Công ty theo Giấy chứng nhận góp vốn số 02/GCNCP ngày 26/11/2020.
- 7) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo những hợp đồng tín dụng sau:
 - Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/23/HM/8172535 ngày 25/9/2023. Thời hạn vay 05 tháng cho kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 6,5%/năm; Tài sản đảm bảo là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 5.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
 - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐDA/20598213 ngày 26/6/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án Điện mặt trời; 400.000 cổ phiếu của Công ty Create Capital Việt Nam (CRC) thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tám; Nguồn thu từ dự án điện áp mái Lâm Hà 1; Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 9 địa chỉ thôn Thanh Bình, Lâm Hà, Lâm Đồng số BU1865588.
 - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐDA/2095745 ngày 17/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
 - Hợp đồng cho vay dài hạn theo dự án đầu tư số 01/2020/HĐDA/20955417 ngày 09/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng của dự án trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Tám; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện giữa EVN và Công ty; Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544376.
- 8) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo những hợp đồng tín dụng sau:
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209634/HĐTĐ ngày 11/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209604/HĐTĐ ngày 11/9/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị, khung nhà xưởng hình thành từ dự án Trang Trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; 350.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (mã CRC) thuộc sở hữu của Bà Dương Thị Huyền; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN; Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 9 địa chỉ tại Thôn Thanh Bình, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà tỉnh Lâm Đồng số BO544379.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14209597/HĐTĐ ngày 21/08/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại nông nghiệp tại địa điểm đầu tư dự án; Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện với EVN.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519932/HĐTĐ ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Mai Anh Đức tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/13908223/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê hợp đồng mua bán điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/145070831/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại được liệt kê hợp đồng mua bán điện áp mái; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14532823/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14519935/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14514121/HĐTD ngày 30/10/2020; Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Trang trại nông nghiệp kết hợp năng lượng tái tạo; Quyền đòi nợ hình thành từ hợp đồng mua bán điện với EVN; QSD đất thuộc sở hữu của bên thứ ba là chủ trang trại tại địa điểm đầu tư dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	300.000.000.000	10.645.604.925	33.853.430.460	4.994.668.350	349.493.703.735	349.493.703.735	
Lãi trong năm trước	-	-	-	24.019.101.087	517.955.417	24.537.056.504	24.537.056.504	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(461.000.000)	(461.000.000)	(461.000.000)	
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)	(78.000.000)	
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	300.000.000.000	10.645.604.925	57.794.531.547	5.051.623.767	373.491.760.239	373.491.760.239	
Tặng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	28.827.721.665	625.466.510	29.453.188.175	29.453.188.175	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	
Thù lao HĐQT và BKS (*)	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)	(78.000.000)	
Giảm khác (**)	-	-	-	-	(485.350.000)	(485.350.000)	(485.350.000)	
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	300.000.000.000	10.645.604.925	86.544.253.212	5.191.740.277	402.381.598.414	402.381.598.414	

(*) Trong năm, Công ty trích thù lao trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với số tiền 78.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2023.

(**) Phân phối lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con.

	PPLN tại Công ty con		Lợi ích của Công ty mẹ		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại công ty con	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Trả cổ tức trên vốn điều lệ	16.961.350.000	-	16.476.000.000	-	485.350.000	-
- Điều chỉnh trên BCTC hợp nhất	-	-	(16.476.000.000)	-	-	-
Cộng	16.961.350.000	-	-	-	485.350.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Ông Mai Anh Tám	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Mai Anh Đức	14.044.800.000	14.044.800.000
- Cổ đông khác	265.955.200.000	265.955.200.000
Cộng	<u>300.000.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 1706/2023/CRC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2023 đã thông qua việc tiếp tục phương án tăng vốn điều lệ (Kế hoạch tăng vốn này đã được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022). Cụ thể: phát hành 1.800.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 6%); chào bán 30.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã quyết định các vấn đề có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đã nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu. Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK.

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

e) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán;
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% mệnh giá cổ phần;
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh;
- + Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh.

f) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.645.604.925	10.645.604.925

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Loại tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền gửi ngân hàng	Đô la Mỹ (USD)	129.412,00	77.731,52

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	297.425.199.565	366.533.298.759
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.883.485.632	55.202.318.129
Cộng	<u>354.308.685.197</u>	<u>421.735.616.888</u>

Trong đó, Doanh thu bán hàng cho các Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 8.2)

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	285.833.367.042	356.727.090.952
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.441.265.974	16.926.075.186
Cộng	<u>304.274.633.016</u>	<u>373.653.166.138</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	830.371.997	533.283.613
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	705.049.977
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	212.035.355	18.459.760
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.054.870	44.672.907
Cộng	<u>1.045.462.222</u>	<u>1.301.466.257</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Lãi vay	15.549.986.661	16.440.264.937
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	115.922.226	249.764.383
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	81.687.130	-
Cộng	15.747.596.017	16.690.029.320

6.5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	435.153.672	1.382.364.850
Cộng	435.153.672	1.382.364.850

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nhân viên quản lý	2.237.555.240	2.003.276.744
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.097.123	153.768.566
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	852.636.956	515.484.715
- Thuế, phí và lệ phí	42.000.000	36.000.000
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(738.543.797)	821.543.952
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.687.569.909	1.472.160.254
- Chi phí bằng tiền khác	830.808.161	300.808.612
Cộng	5.005.123.592	5.303.042.843

6.7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Công nợ không phải trả	-	359.632.329
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	23.030.516	-
- Khoản bồi thường	365.571.092	-
- Thu nhập khác	92.921.473	350.031.138
Cộng	481.523.081	709.663.467

6.8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	583.073.284
- Thuế bị phạt, truy thu	24.050.364	323.388.961
- Chi phí khác	25.349.516	47.496.726
Cộng	49.399.880	953.958.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.739.597.123	21.576.846.331
- Chi phí nhân công	1.915.055.240	2.053.276.744
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.616.355.860	16.649.715.135
- Chi phí dự phòng	-	821.543.952
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.682.398.957	2.976.343.289
- Chi phí khác bằng tiền	830.808.161	1.096.835.193
Cộng	<u>23.784.215.341</u>	<u>45.174.560.644</u>

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuyết minh	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	852.831.723	918.854.711
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	281.645.221
Cộng	<u>852.831.723</u>	<u>1.200.499.932</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.744.425	26.628.054
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>17.744.425</u>	<u>26.628.054</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.12. Lãi trên cổ phiếu

	Đơn vị tính	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	VND	28.827.721.665	24.019.101.087
- Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	78.000.000
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	28.827.721.665	23.941.101.087
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phần	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung	Cổ phần	30.000.000	-
- Lãi trên cổ phiếu			
+ Lãi cơ bản	VND/Cổ phần	961	798
+ Lãi suy giảm	VND/Cổ phần	480	798

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Việc tính toán lại lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 801 đồng/cổ phiếu xuống 798 đồng/cổ phiếu.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	389.013.432.123	373.479.032.767
Cộng	389.013.432.123	373.479.032.767

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	(409.530.469.648)	(356.920.470.802)
Cộng	(409.530.469.648)	(356.920.470.802)

7.3. Các giao dịch phi tiền tệ khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền thu từ đi vay qua đánh giá CLTG	81.687.130	123.941.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 05/02/2024, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 13/GCN-UBCK. Ngày 07/3/2024, Công ty đã có thông báo số 05/2024/CRC-TB gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam về thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu (từ 08/3/2024 đến 15/4/2024) và thời gian nhận tiền mua cổ phiếu (từ 08/3/2024 đến 15/4/2024).

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt
2	Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/4/2022
3	Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của Chủ tịch HĐQT
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc
5	Công ty CP Vật tư Điện Hùng Cường	BLQ của Tổng Giám đốc đến ngày 9/1/2023
6	Ông Lê Quang Thạch	Giám đốc công ty con
7	Công ty CP Gốm sứ Haceco	Có cùng Chủ tịch HĐQT đến ngày 13/12/2022
8	Công ty CP Tập đoàn Koly	BLQ của Tổng GĐ đến ngày 13/12/2022
9	Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT

b) Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Giao dịch trọng yếu và số dư của Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Hội đồng quản trị	107.966.154	433.761.237
Ông Mai Anh Tám	12.000.000	76.000.000
Bà Dương Thị Huyền	59.966.154	181.761.237
Ông Hoàng Trung Kiên	12.000.000	76.000.000
Ông Phạm Văn Trường	12.000.000	-
Ông Lê Thành Nhân	12.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lâm Tùng	-	76.000.000
Ban Kiểm soát	115.198.717	94.186.182
Bà Phạm Thị Huệ	103.198.717	75.596.916
Bà Hà Thị Hiến	6.000.000	10.392.844
Ông Nguyễn Văn Nhu	6.000.000	8.196.422
Ban Giám đốc	118.050.000	-
Vũ Thị Thủy	118.050.000	-
Kế toán trưởng	104.384.957	-
Nguyễn Thị Thúy Nga	104.384.957	-
Cộng	445.599.828	527.947.419

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm:

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	Mua hàng	-	15.714.780.000
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	Nhận lại tiền ứng trước	518.542.999	-
Công ty CP Tập đoàn Koly	Nhận lại tiền ứng trước	8.381.644.880	-
Công ty CP Tập đoàn Koly	Mua hàng hóa	-	13.796.000.000
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Mua hàng hóa	-	192.071.600
Công ty CP Vật tư điện Hùng Cường	Bán hàng hóa	-	2.594.442.000
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Bán hàng hóa	-	1.901.460.000
Ông Lê Quang Thạch	Vay	-	400.000.000
	Trả tiền vay	-	400.000.000
Ông Lê Thành Nhân	Vay	-	19.500.000.000
	Trả tiền vay	-	19.500.000.000
Ông Mai Anh Đức	Phải trả tiền thuê đất	-	198.958.200
	Đặt cọc thuê đất	-	4.310.000.000

Số dư với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán	-	8.900.187.879
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	-	8.381.644.880
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại SHP	-	518.542.999
Phải trả người bán	-	24.000.000
Ông Mai Anh Đức	-	24.000.000
Phải thu dài hạn khác (cọc tiền thuê đất)	30.000.000.000	30.000.000.000
Ông Mai Anh Đức	30.000.000.000	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Ngoài ra, Ông Mai Anh Tám, Bà Trần Thị Thu Hiền (Vợ ông Mai Anh Tám), Ông Mai Anh Đức (con Ông Mai Anh Tám) và Bà Dương Thị Huyền đã sử dụng các tài sản cá nhân để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.16).

8.3 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm nay:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng và	Đầu tư	Cộng
	hàng hóa	dịch vụ	tài chính	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	297.425.199.565	56.883.485.632	-	354.308.685.197
Doanh thu thuần	297.425.199.565	56.883.485.632	-	354.308.685.197
Chi phí của bộ phận	293.707.833.810	31.754.672.487	-	325.462.506.297
Giá vốn	285.833.367.042	18.441.265.974	-	304.274.633.016
Chi phí bán hàng	435.153.672	-	-	435.153.672
Chi phí quản lý	3.735.607.786	1.269.515.806	-	5.005.123.592
Chi phí lãi vay	3.703.705.310	12.043.890.707	-	15.747.596.017
Kết quả kinh doanh của bộ phận	3.717.365.755	25.128.813.145	-	28.846.178.900
Thu nhập từ HĐTC	-	-	1.045.462.222	1.045.462.222
Lợi nhuận khác	85.924.653	346.198.548	-	432.123.201
Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.803.290.408	25.475.011.693	1.045.462.222	30.323.764.323
Chi phí thuế TNDN hiện hành				852.831.723
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				17.744.425
Lợi nhuận sau thuế TNDN				29.453.188.175

b) Tài sản theo bộ phận tại ngày cuối năm:

Khoản mục	Kinh doanh	Năng lượng và	Đầu tư tài	Cộng
	hàng hóa	dịch vụ	chính	
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	185.913.942.504	37.628.396.299	48.820.000.000	272.362.338.803
Tài sản dài hạn	69.031.179.412	306.089.803.748	500.000.000	375.620.983.160
Tổng tài sản	254.945.121.916	343.718.200.047	49.320.000.000	647.983.321.963
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả ngắn hạn	132.173.281.263	37.779.797.179	-	169.953.078.442
Nợ phải trả dài hạn	1.475.396.875	74.173.248.232	-	75.648.645.107
Tổng Nợ phải trả	133.648.678.138	111.953.045.411	-	245.601.723.549

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

c) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm trước:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa VND	Năng lượng và dịch vụ VND	Đầu tư tài chính VND	Cộng VND
Doanh thu thuần của bộ phận	366.511.480.577	55.224.136.311	-	421.735.616.888
Doanh thu thuần	366.511.480.577	55.224.136.311	-	421.735.616.888
Chi phí của bộ phận	364.949.034.554	32.079.568.597	-	397.028.603.151
Giá vốn	356.727.090.952	16.926.075.186	-	373.653.166.138
Chi phí bán hàng	1.382.364.850	-	-	1.382.364.850
Chi phí quản lý	4.069.317.011	1.233.725.832	-	5.303.042.843
Chi phí lãi vay	2.770.261.741	13.919.767.579	-	16.690.029.320
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.562.446.023	23.144.567.714	-	24.707.013.737
Thu nhập từ HĐTC	-	-	1.301.466.257	1.301.466.257
Lợi nhuận khác	(219.911.979)	(24.383.525)	-	(244.295.504)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.342.534.044	23.120.184.189	1.301.466.257	25.764.184.490
Chi phí thuế TNDN hiện hành				1.200.499.932
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				26.628.054
Lợi nhuận sau thuế TNDN				24.537.056.504

d) Tài sản theo bộ phận tại ngày đầu năm:

Khoản mục	Kinh doanh hàng hóa VND	Năng lượng và dịch vụ VND	Đầu tư tài chính VND	Cộng VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	236.162.177.777	28.358.971.403	13.400.000.000	277.921.149.180
Tài sản dài hạn	50.748.437.958	310.518.276.121	6.790.000.000	368.056.714.079
Tổng tài sản	286.910.615.735	338.877.247.524	20.190.000.000	645.977.863.259
NỢ PHẢI TRẢ				
Nợ phải trả ngắn hạn	121.163.938.868	49.591.877.787	-	170.755.816.655
Nợ phải trả dài hạn	1.083.038.133	100.647.248.232	-	101.730.286.365
Tổng Nợ phải trả	122.246.977.001	150.239.126.019	-	272.486.103.020

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân phối chủ yếu ở trong lãnh thổ nội địa và quốc tế

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khu vực nội địa	30.176.574.180	29.584.584.058
Khu vực nước ngoài	324.132.111.017	392.151.032.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024
Tổng Giám đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

